STT	MSSV	Họ Lót	Tên	DTBHT	Số Tiền HB	STK
1	K37.701.095	Lê Thị Như	Quỳnh	3.68	2625000	
2	K37.701.042	Lê Thị Thảo	Linh	3.39	2625000	
3	K37.701.021	Nguyễn Thị Kim	Hằng	3.38	2625000	
4	K37.701.125	Trương Anh	Tuấn	3.21	2625000	
5	K37.701.004	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	3.18	2100000	
6	K37.701.057	Chu Lê	Mỹ Thiện	3.14	2100000	
7	K37.701.138	Ngô Lâm Hải	Yến	3.06	2100000	
8	K37.701.066	Nguyễn Quốc Bảo	Ngọc	3.05	2100000	
9	K37.701.105	Nguyễn Thị Ánh	Thoa	3.05	2100000	
10	K37.701.026	Nguyễn Ngọc	Hà	3	2100000	
11	K37.701.133	Mai Thiên	Vân	2.98	2100000	
12	K37.701.025	Nguyễn Phạm Thái	Hà	2.96	2100000	
13	K37.701.018	Thái Quốc	Đạt	2.95	2100000	
14	K37.701.103	Trần Nguyễn Phương	Thảo	2.94	2100000	
15	K37.701.005	Võ Thị Phương	Ánh	2.93	2100000	

16	K37.701.054	Đào Thị Ngọc	Lý	2.93	9	4	2100000
17	K37.701.123	Nguyễn Thị Ngọc	Trúc	2.93	7	2	2100000
18	K37.701.134	Lê Nguyễn Thanh	Vy	2.93	7	2	2100000
19	K37.751.010	Nguyễn Đình Thiên	Bảo	3.39	9	2	2625000
20	K37.751.082	Trần Mỹ	Nhi	3.36	8	2	2625000
21	K37.751.134	Lương Đức Minh	Trang	3.36	9	0	2625000
22	K37.751.104	Trần Thuỵ Kim	Tâm	3.34	8	8	2625000
23	K37.751.039	Nguyễn Ngọc Thanh	Hiên	3.33	9	1	2625000
24	K37.751.035	Nguyễn Lê Song	Hảo	3.29	8	4	2625000
25	K37.751.085	Nguyễn Thị Siêu	Nhung	3.29	8	2	2625000
26	K37.751.123	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	3.29	8	1	2625000
27	K37.751.006	Nguyễn Vũ Trâm	Anh	3.29	8	1	2625000
28	K37.751.008	Trần Bảo	Anh	3.18	8	3	2100000
29	K37.751.041	Lý Lệ	Hoa	3.16	7	7	2100000
30	K37.751.120	Dương Quang	Thiện	3.16	9	9	2100000
31	K37.751.156	Nguyễn Thị Thùy	Vân	3.14	8	4	2100000
32	K37.751.062	Trần Thanh	Nga	3.13	8	2	2100000

7								
3	K37.7	Nguyễ	Tu	3.1	8	2100		
3	51.15	n Kim	yến	2	2	000		
0								
3	K37.7	Nguyễ	Lộ	3.1	8	2100		
4	51.06	n	c	1	0	000		
1		Hoàng						
3	K37.7	Ngô	Th	3.1	8	2100		
5	51.12	Phạm	ư	1	1	000		
8		Minh						
3	K37.7	Hoàng	Th	3.0	8	2100		
6	51.11	Thị	ảo	7	4	000		
8		Thu						
3	K37.7	Phạm	Th	3.0	8	2100		
7	51.11	Thanh	ành	5	4	000		
0								
3	K37.7	Hồ	Th	3.0	7	2100		
8	51.12	Ngọc	uận	5	5	000		
4								
3	K37.7	Tôn	An	3.0	7	2100		
9	51.00	Nữ	h	2	7	000		
3		Hoàng						
4	K37.7	Ngô	Ph	3.0	8	2100		
0	51.09	Hồ	úc	2	2	000		
0		Hồng						